

ID VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: **Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam**

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/04/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	16	0		15	0	
2		P10+TD5+BK16	7:25	14+1+4	0+0+0		14+1+0	0+0+0	chuyen 3 P10-TD5
3		TD2	7:35	15	0		13	0	
4		TD2	11:15	13	0		11	0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: TD2	CREW: CÔNG - ATUÁN	ETA: 10:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN HÙNG*	TD2	84	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ HAI SƠN*TT	TD2	400	1	3		83	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	90-91	2	9		78	KHOAN	Vietnamese
4	ĐẶNG VĂN ĐÀO	TD2	89	1	11	17	60	KHOAN	Vietnamese
5	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	97	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HÙNG	TD2	94	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	93	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM THẾ CHUYỀN	TD2	88	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	95	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
10	HỒ VĂN HÙNG	TD2	96	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
11	HỒ CHI CÔNG	TD2	99	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC VIỆT-PVD	TD2	98	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
13	HỒ THANH QUANG-PVDT	TD2	86-87	2	9		77	KHOAN	Vietnamese
14	VÔ SĨ HOÀI THANH	TD2	85	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ TRƯỜNG LÂM	TD2	92	1	5		71	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	15	17	80	1.047	17	13		
TOTAL		15	17	80	1.047	17	13		
WEIGHT KG				80	1.047	17			

GRAND TOAL: 1.144 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:32
FLIGHT:	TO: P10 - TD5 - BK16	CREW: QViệt - Linh - Vũ	ETA: 09:10
CAM-1			

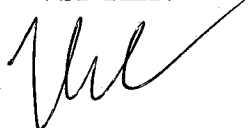
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÁ LƯỢNG	P10					68	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN QUỐC TUÂN	P10					68	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN HUY HUNG	P10	12	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ VĂN DOANH	P10					68	KHOAN	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN PHAN	P10	08	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG HAO	P10	13	1	9		94	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN ĐAM	P10	01	1	4		85	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN LÊ KIẾN	P10	10-11	2	10		74	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CHÂN	P10	06	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN TUÂN LONG	P10	09	1	10	20	68	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC TUÂN	P10	04	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN HOÀ	P10	05	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM THANH TÙNG	P10	07	1	12		100	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN PHI LONG	P10	02-03	2	16		68	DVL	Vietnamese
15	LY XUAN TRUNG	TD5	09	1	7	90	68	Y-TE	Russian
16	DANG TRONG BAI	TD5	10	1	14	11	77	KH-THAC	Russian
17	TRẦN VĂN HUY	BK16	64	1	13		77	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN NGHI	BK16	66	1	14		66	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN NAM THẮNG	BK16	79	1	12	59	107	KH-THAC	Vietnamese
20	VOROSHYLOV	BK16	65	1	12		95	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	14	13	81	1.052	20	14	43	CHUYEN 3 PAX P10 SANG TD5
2	TD5	2	2	21	145	101	2		
3	BK16	4	4	51	345	59	0		
TOTAL		20	19	153	1.542	180	16		
WEIGHT KG				153	1.542	180			

GRAND TOAL: 1.875 KGS

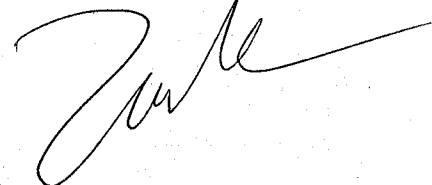
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2021	TO: TD2	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hoài - TRƯỜNG	ETA: 10:30
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HAI	TD2	56	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
2	BUI MANH PHUC	TD2	65	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ ĐỨC THO	TD2	64	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
4	GROMOV S.A	TD2	57	1	10		90	KHOAN	Russian
5	ANDRIUSHENKO O.A	TD2	63	1	2		120	KHOAN	Russian
6	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	57	1	5	100	70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THỰC	TD2	59	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
8	TRƯỜNG THANH TÙNG	TD2	52	1	2		76	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH TUAN	TD2					67	KHOAN	Vietnamese
10	BUI TRUNG THO	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TUYẾN	TD2	60	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	55	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TÙNG	TD2	61	1	2		57	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	54	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THẮNG	TD2	62	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM SỸ NGỌC MINH	TD2	53	1	5		72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	16	14	71	1.242	100	15		
TOTAL		16	14	71	1.242	100	15		
WEIGHT KG				71	1.242	100			

GRAND TOAL: 1.413 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 11:00
FLIGHT: 4	TO: TD2	CREW: HLONG - CHIEN	ETA: 14:00
xanh-2			

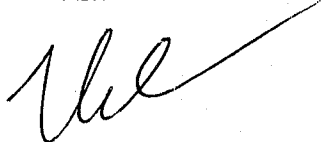
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HAI LAM	TD2	72	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
2	LUU DINH MINH	TD2	79-80	2	13	12	66	KHOAN	Vietnamese
3	VU HUU KE	TD2	76-77	2	13		83	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN DUNG	TD2	74	1	7		67	ANTOAN	Vietnamese
5	BUI HUU TRI	TD2	71	1	6		65	GETRACO	Vietnamese
6	DINH ANH DUNG	TD2	73	1	3		77	GETRACO	Vietnamese
7	DAU VAN XUAN	TD2	75	1	3		60	GETRACO	Vietnamese
8	DO XUAN HAU	TD2	87	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
9	HOANG MINH TAN	TD2	83-84	2	13		80	YTE	Vietnamese
10	LE NHAT TUAN	TD2	82	1	6		70	D-HANH	Vietnamese
11	SHEVCHENKO D.I	TD2	86	1	5		86	KHOAN	Russian
12	FOK S.I.	TD2	85	1	7		122	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	12	15	91	908	12	11		
	TOTAL	12	15	91	908	12	11		
	WEIGHT KG			91	908	12			

GRAND TOAL: 1.011 KGS

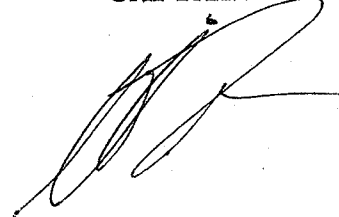
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



2050 kg (fin)
2100.

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/04/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+RP2+RP3	7:25	20+1+1	0+0+0		15+0+7	0+0+0	chuyen 3 TD5-RP2
2		VSP01+PPD	7:25	8+14	0+0		0+22	0+0	
3		TD1+P6+P4	7:25	8+3+11	0+0+0		4+4+14	0+0+0	
4		PVD3+RP3+CI	9:25	3+19+0	0+0+0		3+16+3	0+0+0	
5		PPD+TD5	9:25	10+12	0+0		3+19	0+0	
6		PVD2-PPD+P4	9:25	12+7	0+0		0+10+10	0+0	
7									
8									

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	TO: TD5 - RP2 - RP3	CREW: Hạnh - XTrường - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN HIEU	TD5	59	1	2		71	KHOAN	Vietnamese
2	LE THANH LAM	TD5	60	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
3	ARUSHANOV	TD5	58	1	8		104	KHOAN	Russian
4	BAO NGUYEN LOC	TD5	819	1	5	55	63	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN BA HOA	TD5	67	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HOA	TD5	29	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THANH BINH	TD5	22	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VINH DUY	TD5	62	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HUU LOC	TD5	15	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM TIEN CHUNG	TD5	77	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
11	HA THANH TUNG	TD5	31	1	3		92	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM VAN HUONG	TD5	32	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN NGOC LINH	TD5	30	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
14	NGO QUOC BAO	TD5	43	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
15	HO VAN TIEN	TD5	42	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN SY LE	TD5	72	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN VAN DIEU	TD5	71	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VIET DUNG	TD5	66	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
19	BUI TAN BINH	TD5	19	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
20	PHAM VAN HANH	TD5	61	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
21	DO HIEN PHU	RP2	89	1	5		53	ANTOAN	Vietnamese
22	NGUYEN TRONG TAM	RP3	01	1	7	60	70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	20	20	97	1.452	55	15	3	CHUYEN 3 PAX TD5->RP2
2	RP2	1	1	5	53	0	0	0	
3	RP3	1	1	7	70	60	7	7	
TOTAL		22	22	109	1.575	115	22		
WEIGHT KG				109	1.575	115			

GRAND TOAL: 1.799 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 8	TO: VSP01 - PPD	CREW: QViệt - CHIẾN - Năm	ETA: 09:10
XANH -1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LƯU VĂN KHƯƠNG	VSP01	37	1	5		77	ĐANG KIẾ	Vietnamese
2	CAO THANH SẮC	VSP01	31	1	5		72	LONG VU	Vietnamese
3	NGUYỄN TRIEU VU	VSP01	36	1	10		74	LONG VU	Vietnamese
4	VĂN HUY HOÀN	VSP01	35	1	8		50	LONG VU	Vietnamese
5	PHẠM VĂN SANG	VSP01	32-33	2	18		57	LONG VU	Vietnamese
6	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP01	34	1	8	37	81	LONG VU	Vietnamese
7	CAO VĂN DŨNG	VSP01	30	1	7		64	LONG VU	Vietnamese
8	ĐO LỸ KHANH	VSP01	29	1	8		82	PSV	Vietnamese
9	PHẠM TÀI	PPD	74	1	15	12	75	KHI	Vietnamese
10	DO CHUNG KIEN	PPD	49	1	4	55	57	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG MINH HIEU	PPD	63	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	VU THANH BINH	PPD	50	1	5		75	KHI	Vietnamese
13	PHAM DUC TUAN	PPD	15	1	5		70	KHI	Vietnamese
14	KHARITONOV YURY	PPD	61	1	5		75	KHI	Russian
15	BERNHIKOV	PPD	62	1	8		109	KHI	Russian
16	NGUYEN ANH TAI	PPD	65	1	7		75	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TA	PPD	66	1	5		72	KHI	Vietnamese
18	PHAM HAI QUANG	PPD	67-68	2	12		75	KHI	Vietnamese
19	TRAN LE RANG	PPD	64	1	7		85	KHI	Vietnamese
20	PHUNG VAN CHINH	PPD	14	1	5		78	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN CONG HIEN	PPD	70	1	4		57	KHI	Vietnamese
22	TRAN VAN NAM	PPD	69	1	5		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	8	9	69	557	37	0		
2	PPD	14	15	91	1.043	67	22		
TOTAL		22	24	160	1.600	104	22		
WEIGHT KG				160	1.600	104			

GRAND TOAL: 1.864 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: TD1 - P6 - P4	CREW: LHai - ĐỨC - ĐANG	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VŨ QUỐC	TD1	29	1	7		64	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN HÙNG DŨNG	TD1	33	1	7		75	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN HOANG	TD1	31	1	12		74	DVL	Vietnamese
4	LÊ HOÀI THIÊN	TD1	32	1	16	25	75	DVL	Vietnamese
5	VŨ ANH TRỌNG	TD1	26	1	5		67	DVL	Vietnamese
6	LƯU BA XÔ	TD1	28	1	10		82	DVL	Vietnamese
7	MESHKOV M.Y.	TD1	27	1	11		78	DVL	Russian
8	LÊ PHU PHÚC	TD1	30	1	6		81	DVL	Vietnamese
9	ĐÌNH QUỐC TRƯỞNG	P6	13	1	6		74	GETRACO	Vietnamese
10	PHẠM HỒNG ĐIỀN	P6	12	1	4		66	GETRACO	Vietnamese
11	TRAN VAN THUONG	P6	14	1	5		50	GETRACO	Vietnamese
12	NGUYỄN LÊ HUY	P4	87	1	3		69	KHI	Vietnamese
13	PHẠM TRẠI	P4	85	1	4		65	KHI	Vietnamese
14	KOLECHIK A.IO	P4	14	1	6		106	KHI	Russian
15	NGUYỄN ĐANG TUÂN	P4	16	1	7		67	KHI	Vietnamese
16	TẠ XUÂN HIỆU	P4	88	1	5		67	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH CANG	P4	86	1	4		71	KHI	Vietnamese
18	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	13	1	4	60	77	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	15	1	5		70	KHI	Vietnamese
20	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P4	12	1	5		77	KHI	Vietnamese
21	PHAN HỒNG TÂM	P4	89-90	2	15		57	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TÀI	P4	91	1	3		68	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	8	8	74	596	25	4		
2	P6	3	3	15	190	0	4		
3	P4	11	12	61	794	60	14		
TOTAL		22	23	150	1.580	85	22		
WEIGHT KG				150	1.580	85			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	TO: PVD3 - RP3 - CLI	CREW: Hạnh - XTrường - DTùng	ETA: 11:25
VANG - 2			

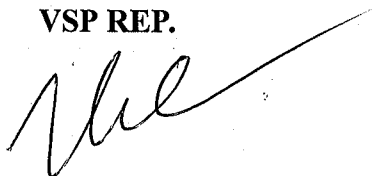
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE NGOC HUNG	PVD3	11	1	5		72	PVD OFFS	Vietnamese
2	PHAN THIEN SON	PVD3	13	1	15	89	63	DVL	Vietnamese
3	HOANG THAI VIET	PVD3	12	1	10		71	DVL	Vietnamese
4	HUA SAY	RP3	31	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
5	LAM TIEN PHI	RP3	55	1	10		80	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN SANG	RP3	53	1	7		57	KHI	Vietnamese
7	TRAN VAN SEN	RP3	48	1	6		67	KHI	Vietnamese
8	HO VAN LUONG	RP3	59	1	5		63	KHI	Vietnamese
9	BUI VAN HUNG	RP3	47	1	4		75	KHI	Vietnamese
10	PHAM TRUNG DUNG	RP3	52	1	5		80	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN TRUNG HOA	RP3	56	1	11		77	KHI	Vietnamese
12	ĐANG HUY KHANH	RP3	57	1	7		76	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC BAO BINH	RP3	49	1	2		60	KHI	Vietnamese
14	PHAM VAN LAP	RP3					62	KHI	Vietnamese
15	PHAM BINH NAM	RP3	54	1	6		63	KHI	Vietnamese
16	PHAM DUY DUNG	RP3					77	KHI	Vietnamese
17	PHAN SY DUYET	RP3	51	1	8		80	KHI	Vietnamese
18	PHAM HONG LINH	RP3	58	1	4		75	KHI	Vietnamese
19	TRAN VUONG HUNG	RP3					83	KHI	Vietnamese
20	PHAN VAN SY	RP3	44-45	2	10		72	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN VAN NAM	RP3	50	1	11		58	KHI	Vietnamese
22	NGUYEN VAN QUYEN	RP3	46	1	11		65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD3	3	3	30	206	89	3		
2	RP3	19	17	115	1.330	0	16		
3	CLI	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	20	145	1.536	89	22		
WEIGHT KG				145	1.536	89			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

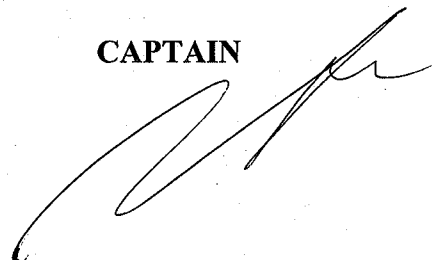
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	TO: PPD - TD5	CREW: QViệt - CHIẾN - N Nam	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM THANH BINH	PPD	99	1	5		81	KHI	Vietnamese
2	BUI THANH	PPD	25	1	3		63	KHI	Vietnamese
3	DO DUY LICH	PPD	79	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
4	LE NGOC SON	PPD	30	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
5	DO VAN THANH	PPD	23	1	5		70	KHI	Vietnamese
6	TRINH CONG BINH	PPD	2000	1	7		62	KHI	Vietnamese
7	TRAN VAN THANH	PPD	24	1	5		55	KHI	Vietnamese
8	DOAN DUY HUNG	PPD	78	1	4		88	KHI	Vietnamese
9	NG TRUONG NHAT MINH	PPD	97-98	2	10		83	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN DUC HOA	PPD	399	1	5		73	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN ĐỨC MINH	TD5	27	1	8		62	KHOAN	Vietnamese
12	LUONG MINH PHUNG	TD5	20-21	2	10		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TAN TAI	TD5	18	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
14	BUI DINH PHUC	TD5					75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN THANH CONG	TD5	17	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
16	ĐỖ VINH CUONG	TD5	23	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
17	LE VAN NGUYEN-PVDT	TD5	19	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN QUANG UT	TD5	24-25	2	17		73	SCHLUMB	Vietnamese
19	LE TRUNG SON	TD5	22	1	5		73	D-HANH	Vietnamese
20	LE ANH TUAN	TD5	26	1	17		67	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	10	11	50	714	0	3		
2	TD5	10	11	76	696	0	19		
TOTAL		20	22	126	1.410	0	22		
WEIGHT KG				126	1.410	0			

GRAND TOAL: 1.536 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 7	TO: PVD2 - PPD - P4	CREW: VThắng - NPhú - QTrường	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MINH HOANG	PVD2	87-88	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN ANH TUAN	PVD2	39	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
3	TRUONG DINH VINH	PVD2	91	1	8	50	77	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN VAN THU	PVD2	86	1	13		53	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN CHI LINH	PVD2	90	1	12		85	KHOAN	Vietnamese
6	LE VAN THANG	PVD2	89	1	12		80	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG DUC LAM ANH	PPD	83	1	9		81	KHI	Vietnamese
8	LE QUANG NINH	PPD					67	KHI	Vietnamese
9	VU DUC HOANG	PPD	76	1	5		65	KHI	Vietnamese
10	DO XUAN LOI	PPD	77	1	5	98	77	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC MANH	PPD	78	1	8		70	KHI	Vietnamese
12	PHAN DINH NHAM	P4	37	1	3		56	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN HOANG TRUONG	P4	36	1	3		77	KHI	Vietnamese
14	HOANG VAN HUNG	P4					76	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN TRUNG THANG **	P4	34-35	2	12		79	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN NGHI	P4	38	1	5		70	PSV	Vietnamese
17	LE DAC NHA	P4	40	1	3		61	PSV	Vietnamese
18	VU PHUONG HUY	P4	39	1	7		70	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	6	7	62	439	50	0		
2	PPD	5	4	27	360	98	10		
3	P4	7	7	33	489	0	10		
TOTAL		18	18	122	1.288	148	20		
WEIGHT KG				122	1.288	148			

GRAND TOAL: 1.558 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN